CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam

Ngày 31/12/2025	2,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.3%	**-**	**17.6%**

DT thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/25
-0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -1.1%
YoY: ▼0.02| -3.0%

LN sau thuế
Q4/25
-0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -1.1%
YoY: ▼0.02| -3.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

ROE
2025
1.5%
YoY: +/-▲ 3.1%

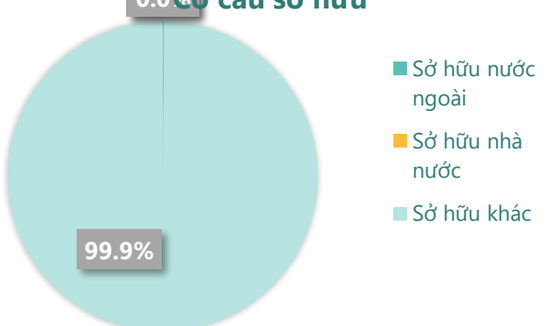
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	300
Số lượng CPLH (CP)	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	174,800
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.57
EPS	13
P/E	149.1

DT thuần
2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
2025
-2.40
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.07| -3.1%

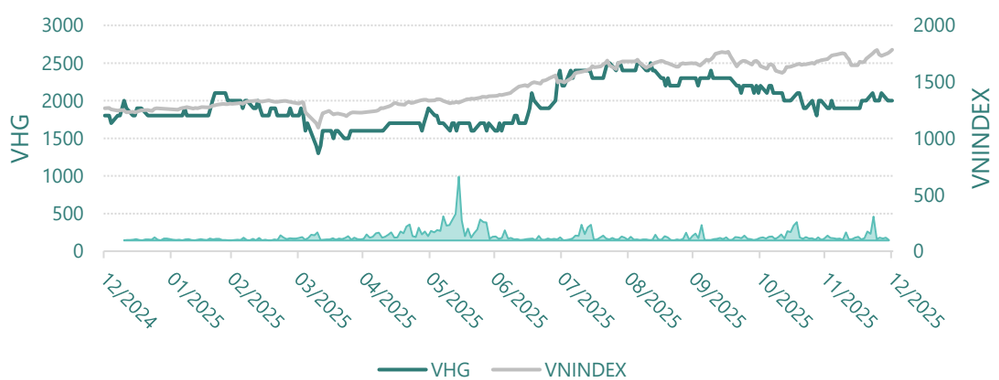
LN sau thuế
2025
2.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.34| 186%

Cơ cấu sở hữu

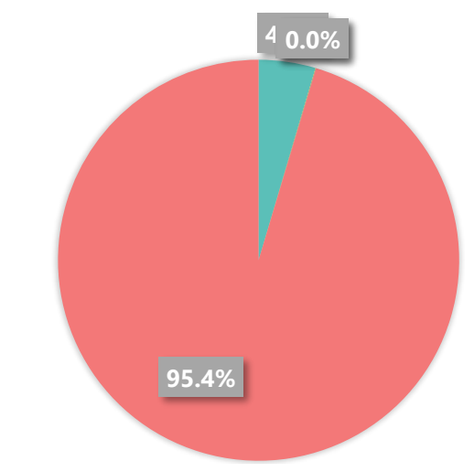


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



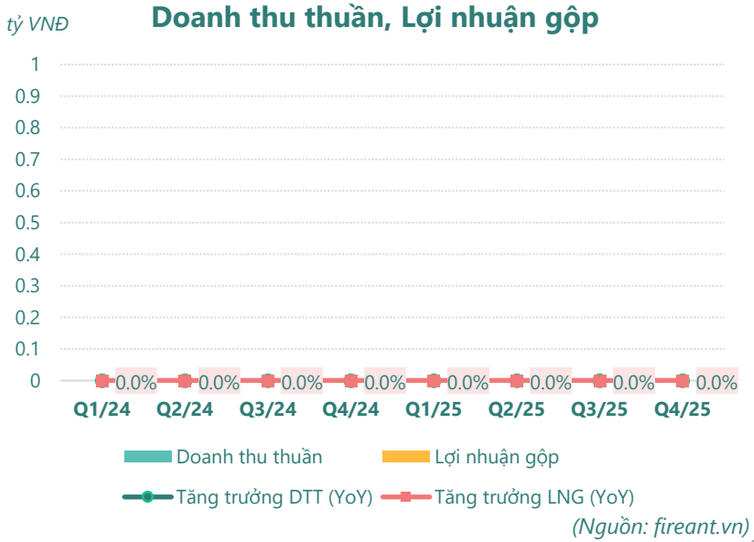
Cơ cấu cổ đông



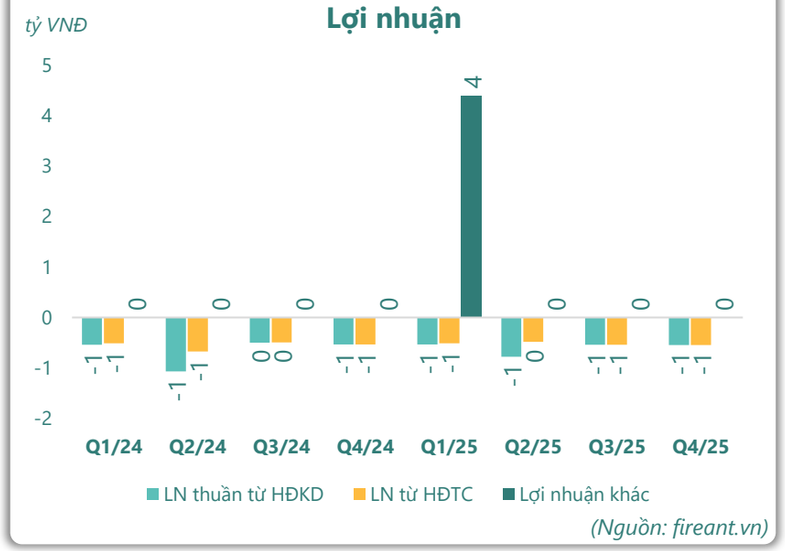


(Nguồn: fireant.vn)

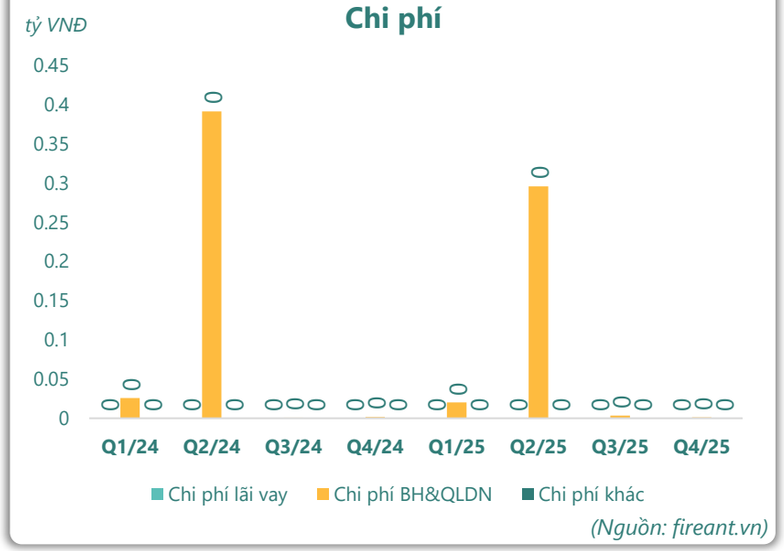
KẾT QUẢ KINH DOANH



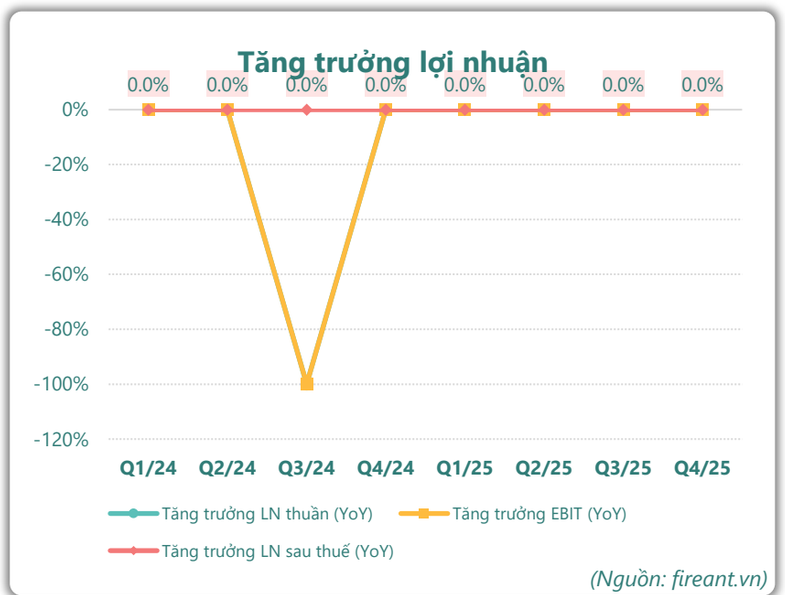
(Nguồn: fireant.vn)



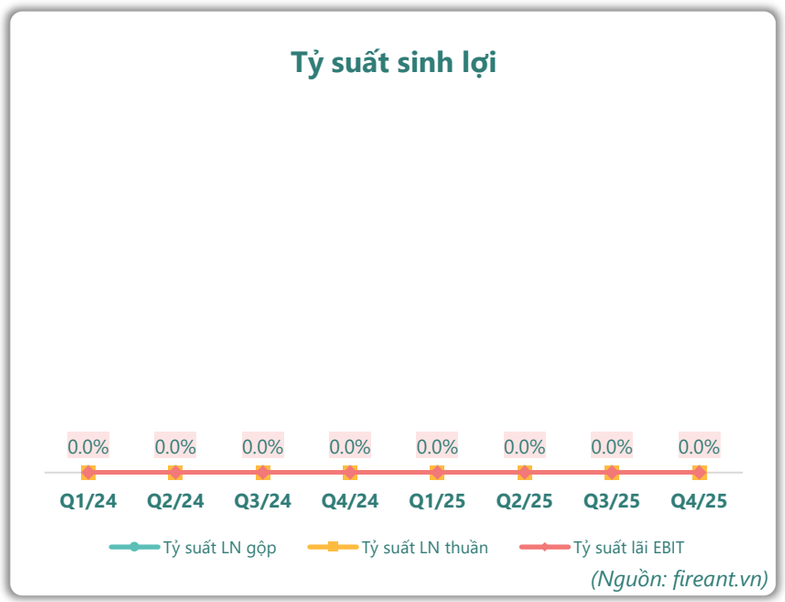
(Nguồn: fireant.vn)



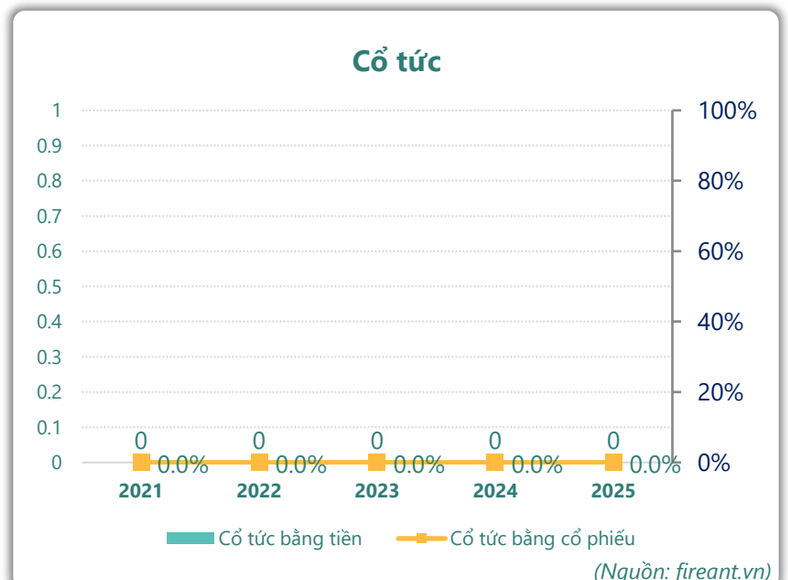
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



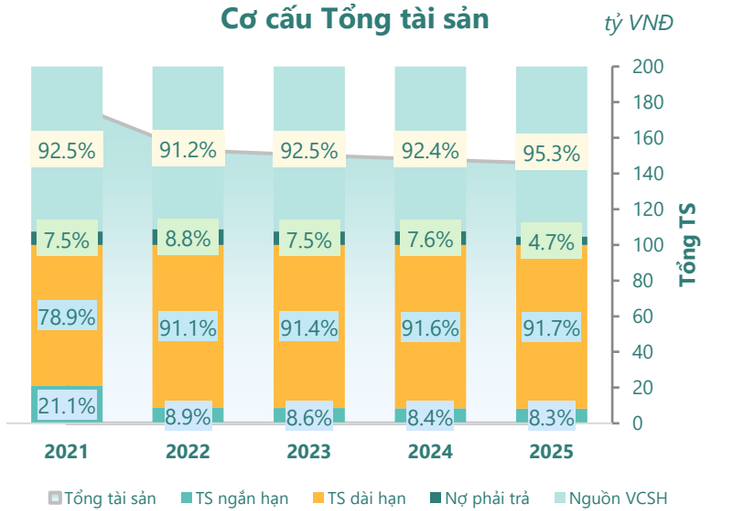
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

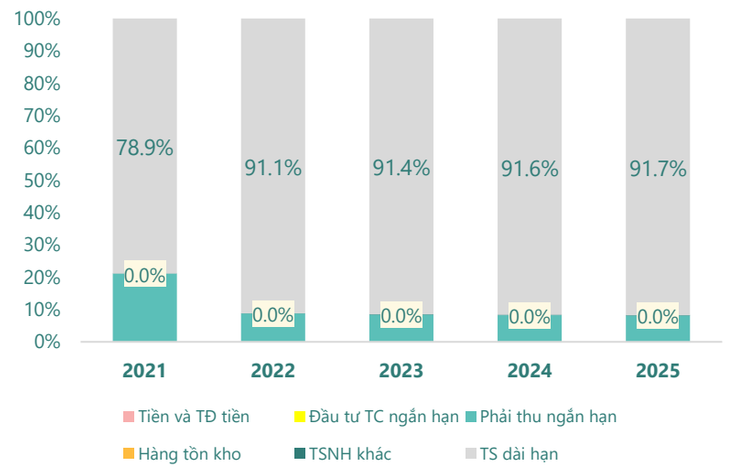
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



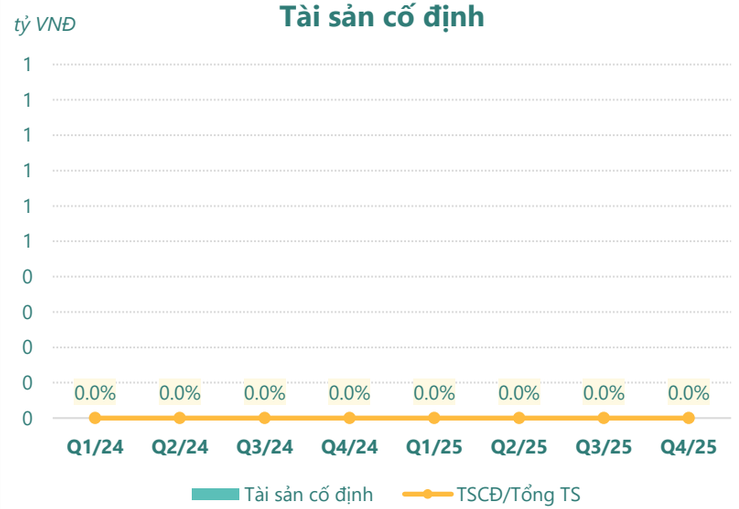
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



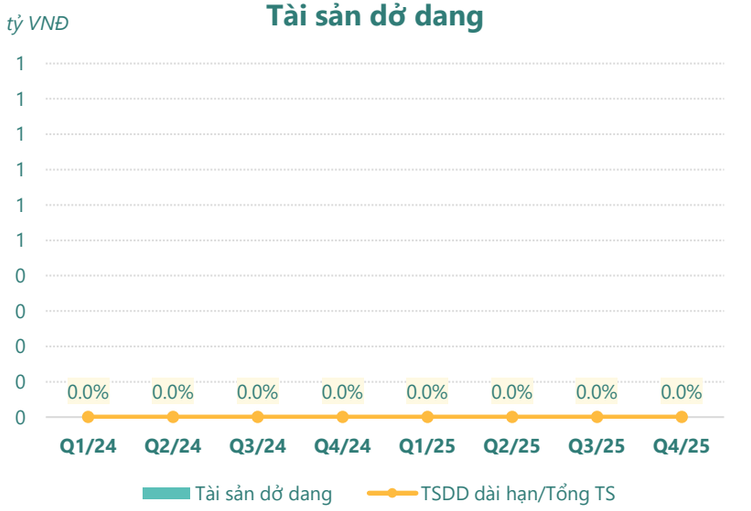
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



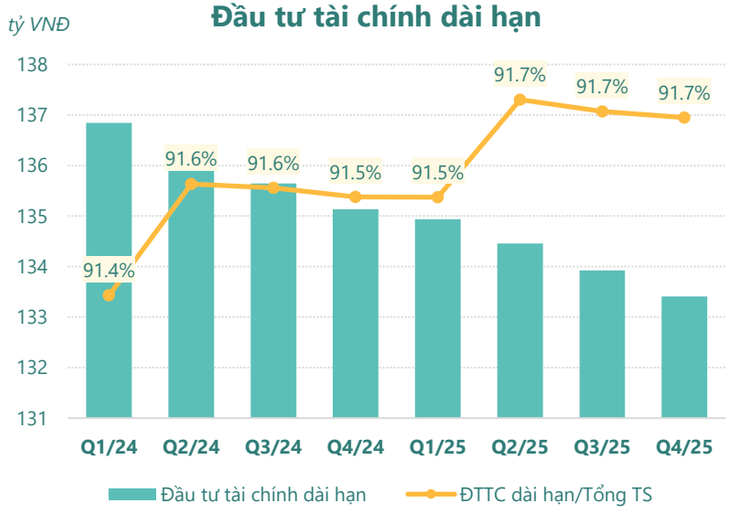
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



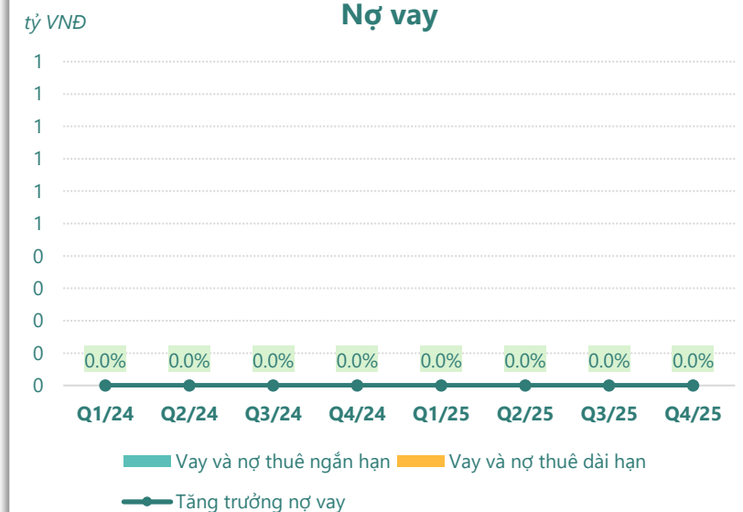
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

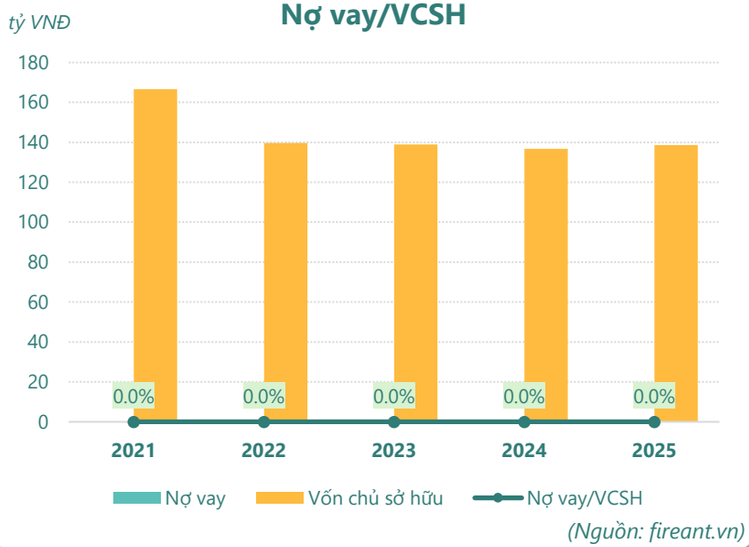
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

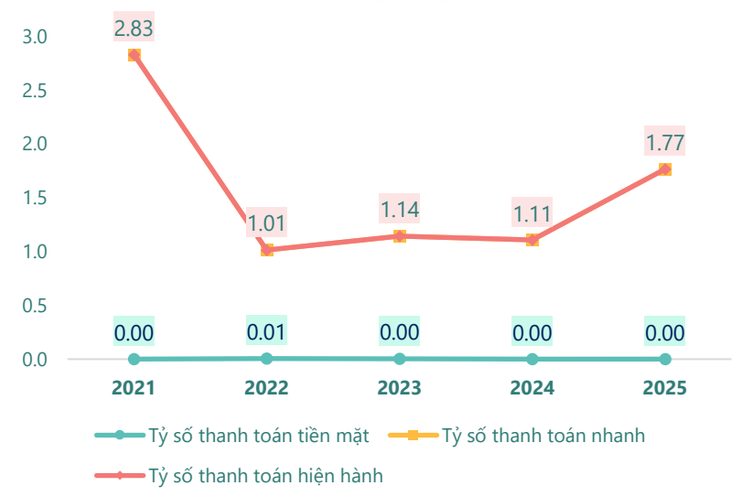
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



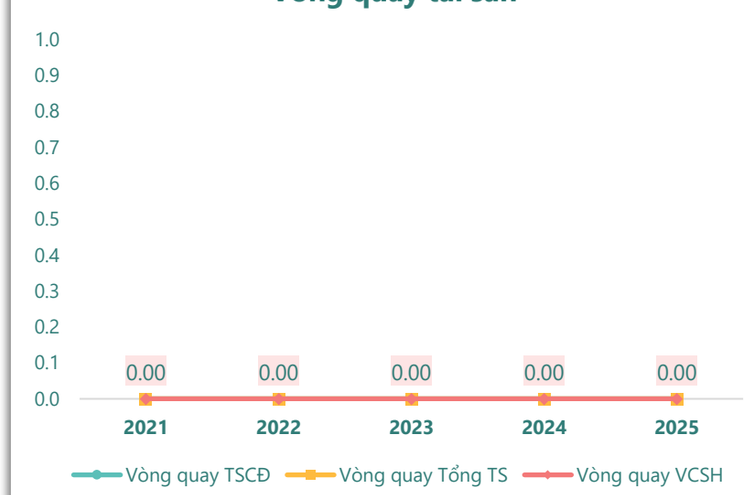
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



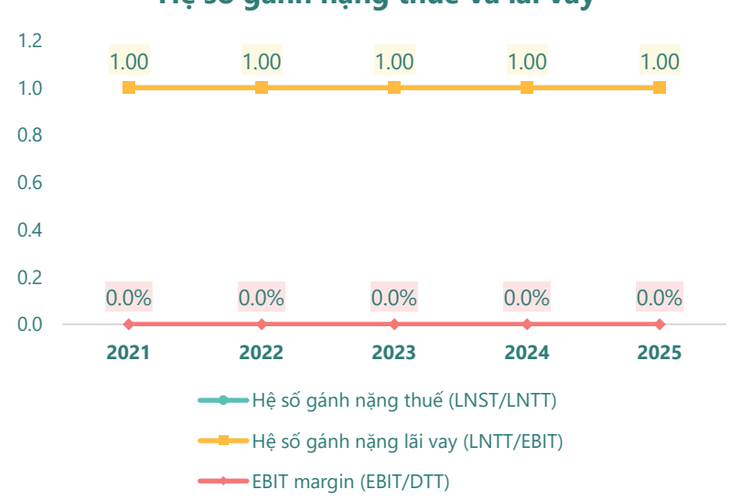
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



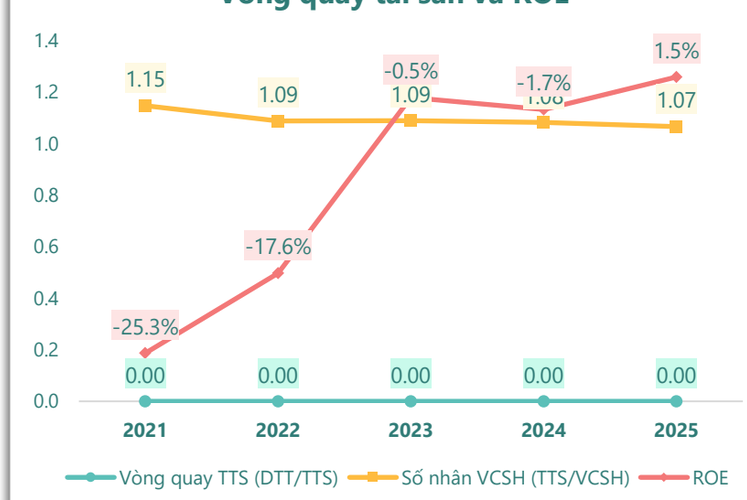
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



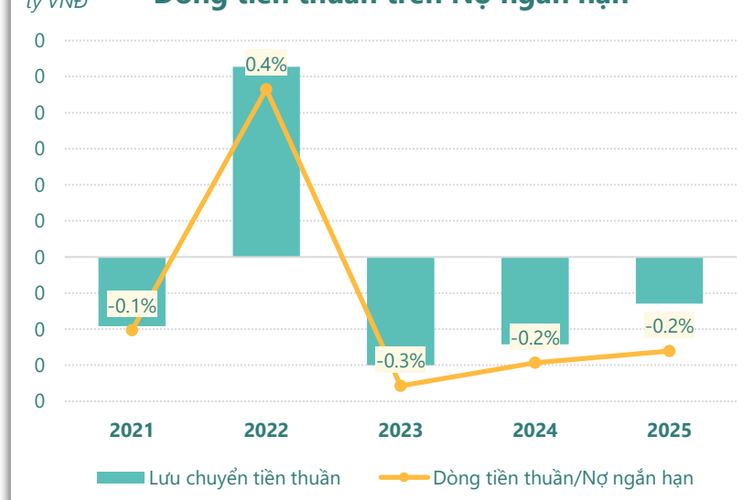
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	8.9%
Chi phí TC	0.54	0.53	2.8%	2.08	1.90	9.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.00**	**0.00**		**0.32**	**0.43**	**-25.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.55	-0.53	-3.0%	-2.40	-2.33	-3.1%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**4.41**	**0**	
LN trước thuế	-0.55	-0.53	-3.0%	2.01	-2.33	186%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.55**	**-0.53**	**-3.0%**	**2.01**	**-2.33**	**186%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.55**	**-0.53**	**-3.0%**	**2.01**	**-2.33**	**186%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.00	0.00	-0.01	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**	**0.00**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.02	0.02	0.00	0.00	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**146**	**148**	**-1.6%**
Tài sản ngắn hạn	12.1	12.5	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-73.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0.07	-46.7%
Phải thu ngắn hạn	11.8	12.1	-2.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.28	6.4%
Tài sản dài hạn	**133**	**135**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	133	135	-1.5%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.87	11.3	-39.1%
Nợ ngắn hạn	**6.87**	**11.3**	**-39.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.81	0.81	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**139**	**137**	**1.5%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)